

TIẾT 45,46 - TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA MỘT SỐ NHÂN TỐ SINH THÁI LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

I. TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA SINH VẬT

- Có mấy loại môi trường sống của sinh vật? Đó là những môi trường nào?
- Hãy kể tên những nhân tố sinh thái ảnh hưởng tới đời sống sinh vật?

Vận dụng: Tìm hiểu môi trường sống của các động vật quan sát được

STT	Tên động vật	Môi trường sống	Mô tả đặc điểm của động vật thích nghi với môi trường sống
1	Cá chép		
2	Giun đất		
3	Cánh cam		
4	Chó		
5	Ếch		

II. TÌM HIỂU ẢNH HƯỞNG CỦA 1 SỐ NHÂN TỐ SINH THÁI LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

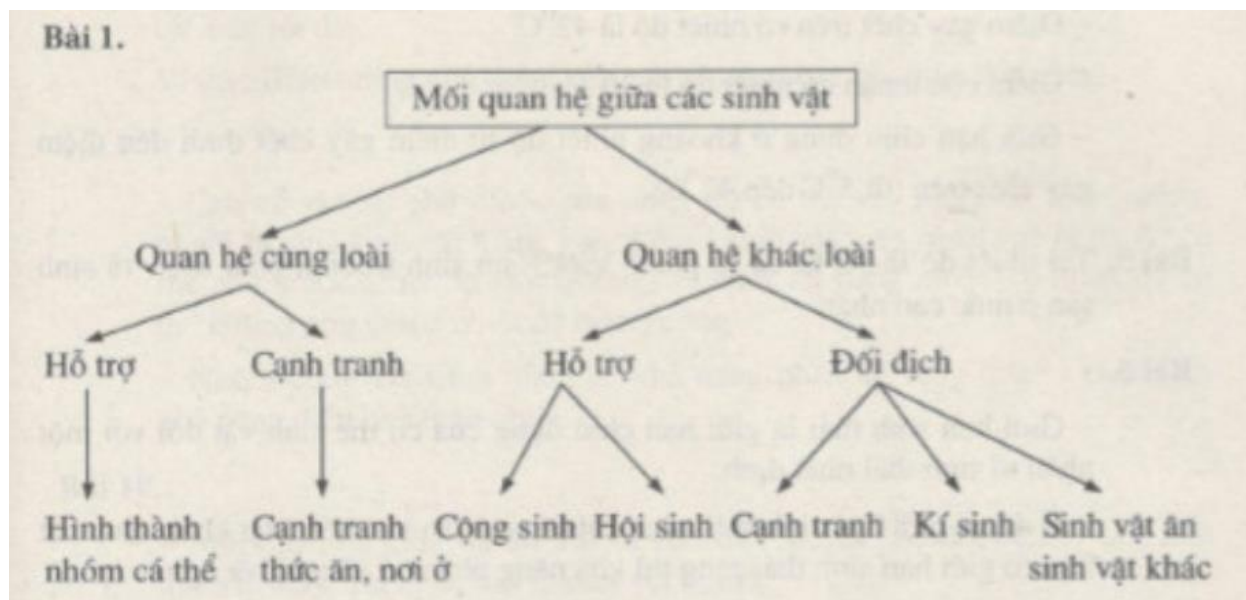
- Lá cây ưa sáng mà em đã quan sát có những đặc điểm hình thái như thế nào?
- Lá cây ưa bóng mà em đã quan sát có những đặc điểm hình thái như thế nào?
- *Qua bài thực hành: em đã tìm hiểu và phân loại được các loài thực vật dựa vào đặc điểm hình thái của chúng cũng như môi trường sống của một số loài thực vật.*

Vận dụng: Các đặc điểm hình thái của lá cây

STT	Tên cây	Nơi sống	Đặc điểm của phiến lá	Các đặc điểm này chứng tỏ lá cây quan sát là:
1	Cây bàng			
2	Cây bàng lăng			

3	Cây rong đuôi chó			
4	Rêu tường			

III. TÌM HIỂU ẢNH HƯỞNG LẤN NHAU GIỮA CÁC SINH VẬT



Vận dụng: Xác định các dạng quan hệ giữa các sinh vật

- Các cây cỏ trên đồng cỏ
- Bò ăn cỏ
- Nai, hươu và bò cùng ăn cỏ trên đồng cỏ
- Hổ và hươu
- Địa y là sự kết hợp giữa tảo và nấm
- Cây phong lan bám trên cành cây
- Lúa và cỏ dại trên cánh đồng
- Cá ép bám lưng rùa biển

IV. TÌM HIỂU VỀ GIỚI HẠN SINH THÁI

Vận dụng: Cây mắm biển thường sống ở ven biển, chịu được dao động nồng độ muối từ 5‰ đến 90‰, sinh trưởng tốt ở nồng độ muối 30‰

- Vẽ sơ đồ giới hạn sinh thái nồng độ muối của cây mắm biển
- Tính giới hạn chịu đựng của cây mắm biển

Lưu ý :

- Học sinh sử dụng sách giáo khoa để hoàn thành hoặc chọn một môi trường thực tế để hoàn thành.
- Mọi thắc mắc về bài học xin liên hệ Cô Nguyễn Thị Bích Thủy – Số điện thoại: 0796708939

Chủ đề 6 – HỆ SINH THÁI

TIẾT 47-48: QUẦN THỂ

I./ QUẦN THỂ SINH VẬT:

1. Khái niệm:

Là tập hợp các cá thể CÙNG LOÀI, cùng sống trong một KHU VỰC nhất định, ở một THỜI ĐIỂM nhất định và có khả năng SINH SẢN tạo thành những thế hệ mới.

Vd: RỪNG CÂY THÔNG NHỰA PHÂN BỐ VÙNG NÚI ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể:

2.1. Tỷ lệ giới tính:

- Tỷ lệ giữa số lượng cá thể ĐỰC/ cá thể CÁI.
- Tỷ lệ giới tính cho biết tiềm năng SINH SẢN của quần thể.

2.2. Thành phần nhóm tuổi:

-> Các dạng tháp tuổi:

- Hình A: DẠNG PHÁT TRIỂN
- Hình B: DẠNG ỔN ĐỊNH
- Hình C: DẠNG GIẢM SÚT

2.3. Mật độ quần thể:

- Là số lượng hay khối lượng SINH VẬT có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.

- Thay đổi theo MÙA , theo NĂM và phụ thuộc vào CHU KÌ SỐNG của sinh vật.

VD: MẬT ĐỘ SÂU RAU 2CON/M² RUỘNG RAU

II./ QUẦN THỂ NGƯỜI:

1. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác:

- Đặc điểm quần thể người giống quần thể sinh vật khác: GIỚI TÍNH, LÚA TUỔI, MẬT ĐỘ, SINH SẢN, TƯ VONG.

- Đặc điểm chỉ có ở quần thể người: PHÁP LUẬT, KINH TẾ, HÔN NHÂN, GIÁO DỤC, VĂN HÓA. Đó là do con người có lao động và tư duy phát triển nên có khả năng làm chủ thiên nhiên.

2. Ý nghĩa của việc thực hiện Pháp lệnh về dân số ở Việt Nam:

- Đảm bảo CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG cho mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

- Số con sinh ra phải phù hợp KHẢ NĂNG NUÔI DƯỠNG, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hòa với sự phát triển kinh tế - xã hội, tài nguyên, môi trường của đất nước.

Lưu ý:

- Chữ In hoa là phần điền khuyết trong tài liệu sinh học 9
- Mọi thắc mắc xin liên hệ Thầy Trịnh Quốc Hưng – số điện thoại: 0937101969

VẬN DỤNG KIẾN THỨC

1. Cho các tập hợp sinh vật sau:

- | | |
|------------------------------------|---------------|
| A. Các con ốc sống trong ruộng lúa | D.Rừng thông |
| B. Các con tôm sú sống ở ao | E. Đồng cỏ |
| C. Bầy trâu rừng | F.Đàn chim én |

Hãy cho biết tập hợp nào là quần thể sinh vật? Giải thích ?

- B,C,F

- Giải thích: Cùng loài, cùng sống trong 1 khu vực nhất định, ở 1 thời điểm nhất định, có khả năng sinh sản

2. Trong các đặc trưng của quần thể, đặc trưng nào là quan trọng nhất? Vì sao ?

Đặc trưng quan trọng nhất là mật độ , vì mật độ ảnh hưởng đến mức sử dụng nguồn sống, đến tần số gặp nhau giữa đực và cái, đến sinh sản, tử vong, đến trạng thái cân bằng của quần thể(mật độ quyết định các đặc trưng khác)

3. Chim cu gáy ăn hạt xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô. Hãy cho biết đây là kiểu biến động theo chu kỳ nào ? Nguyên nhân gây ra biến động chim cu gáy ?

- Biến động theo chu kỳ mùa

- Nguyên nhân: Số lượng chim cu gáy phụ thuộc vào nguồn thức ăn (hạt lúa, ngô)

4. Quan sát số lượng cá thể của 3 quần thể sinh vật trong bảng sau:

Quần thể	Nhóm tuổi trước sinh sản	Nhóm tuổi sau sinh sản	Nhóm tuổi Sau sinh sản
Chuột đồng	45 con/ ha	44 con/ ha	20 con / ha
Chim sẻ	55 con/ ha	30 con/ ha	15 con/ ha
Hươu	25 con/ ha	45 con/ ha	15 con/ ha

Hãy vẽ tháp tuổi của từng quần thể sinh vật trên và cho biết tháp đó thuộc dạng tháp gì ?

Dựa vào hình 47/141 trong SGK để vẽ các dạng tháp tuổi

Lưu ý:

- Mọi thắc mắc xin liên hệ Cô Nguyễn Thị Thu Hiền – số điện thoại: 0703053845